

Bản án số: 354/2023/HSST

Ngày: 15/11/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Trần Huy Long

Các hội thẩm nhân dân: Bà Trần Lệ Thi và bà Trần Thị Hồng

- Thư ký phiên toà: Ông Trần Hưng Phúc - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vinh: Bà Nguyễn Thị Bích Yên, kiểm sát viên.

Ngày 15/11/2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 337/2023/HSST ngày 18/10/2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 429 ngày 30/10/2023 đối với bị cáo:

1. Họ và tên: **Nguyễn Văn S**; Sinh ngày 09/02/1993; Giới tính: Nam; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: xóm B, xã H, huyện H, tỉnh Nghệ An; Nơi đăng ký tạm trú và chỗ ở hiện nay: khối F, phường Đ, thành phố V, tỉnh Nghệ An; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 10/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên chúa giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Văn C; Con bà: Nguyễn Thị L; Vợ: Bạch Thị H và có 02 con; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 28/7/2023 đến ngày 06/8/2023. Hiện tại ngoại; Có mặt tại phiên toà.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Mạnh Thị Thanh H1, sinh năm 1982; Trú tại: khối A, phường T, thành phố V, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

2. Chị Nguyễn Thị Mỹ D, sinh năm 1977; Trú tại: K, phường Q, thành phố V, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

3. Chị Lê Thị L1, sinh năm 1961; Trú tại: khối A, phường Đ, thành phố V, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

4. Chị Đậu Thị Lan H2, sinh năm 1992; Trú tại: khối T, phường L, thành phố V, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

5. Anh Chu Quang H3, sinh năm 1979; Trú tại: khối L, phường H, thành phố V, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

6. Chị Cao Thị S1, sinh năm 1979; Trú tại: Khối T, phường H, thành phố V, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

7. Chị Bạch Thị H, sinh năm 1990; Địa chỉ: khối F, phường Đ, thành phố V, tỉnh Nghệ An; Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ tháng 12/2022 đến tháng 7/2023, khi biết nhiều người trên địa bàn thành phố V, tỉnh Nghệ An cần vay tiền nên Nguyễn Văn S nảy sinh ý định sử dụng tiền tích góp của bản thân để cho vay lấy lãi nặng nhằm thu lợi bất chính. Khi cho vay, S chuyển tiền qua tài khoản ngân hàng và cắt lấy trước tiền lãi suất trong khoản tiền cho vay. Người vay chỉ nhận được số tiền sau khi S đã cắt trừ tiền lãi suất, mỗi ngày người vay phải trả cho S số tiền tương ứng với khoản vay và thời gian vay gọi là trả tiền “gốc”. Lãi suất cho vay từ 182,5%/năm đến 365%/năm. S sử dụng điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XR, màu đen, số IMEI 1: 358819092006312, số IMEI 2: 358819092071795, gắn sim số thuê bao “0987450030” và sử dụng tài khoản Zalo “Sơn Nguyễn” đăng ký bởi số điện thoại “0987450030” để liên lạc với người vay tiền. Ngoài ra, S sử dụng các tài khoản số “1193090288888” mang tên Nguyễn Văn S, tài khoản số “0987500865” mang tên Bạch Thị H đều mở tại ngân hàng TMCP Q, tài khoản số “9987450030” mang tên Nguyễn Văn S mở tại Ngân hàng TMCP N để chuyển tiền và thu tiền lãi, tiền gốc của người vay.

Quá trình điều tra xác định Nguyễn Văn S đã cho 06 (sáu) người vay tiền với lãi suất lãi cao để thu lợi bất chính, cụ thể như sau:

1. Hành vi cho vay tiền lãi nặng của S đối với chị Mạnh Thị Thanh H1, sinh năm 1982; trú tại: khối A, phường T, thành phố V:

+ Ngày 04/02/2023, S cho chị H1 vay số tiền 20.000.000 đồng, kỳ hạn vay 33 ngày, S cắt lấy trước tiền lãi suất 4.000.000 đồng, tương đương lãi suất 221,21%/năm. Số tiền S thu lợi bất chính khoản vay này là 3.638.356 đồng, tiền lãi theo quy định Bộ luật dân sự khoản vay này là 4.000.000 đồng - 3.638.356 đồng = 361.644 đồng.

+ Ngày 14/02/2023, S cho chị H1 vay số tiền 10.000.000 đồng, kỳ hạn vay 33 ngày, S cắt lấy trước tiền lãi suất 2.000.000 đồng, tương đương lãi suất 221,21%/năm. Số tiền S thu lợi bất chính khoản vay này là 1.819.178 đồng, tiền lãi theo quy định Bộ luật dân sự khoản vay này là 2.000.000 đồng - 1.819.178 đồng = 180.822 đồng.

+ Ngày 24/02/2023, S cho chị H1 vay số tiền 20.000.000 đồng, kỳ hạn vay 33 ngày, S cắt lấy trước tiền lãi suất 4.000.000 đồng, tương đương lãi suất 221,21%/năm. Số tiền S thu lợi bất chính khoản vay này là 3.638.356 đồng, tiền lãi theo quy định Bộ luật dân sự khoản vay này là 4.000.000 đồng - 3.638.356 đồng = 361.644 đồng.

+ Ngày 15/3/2023, S cho chị H1 vay số tiền 20.000.000 đồng, kỳ hạn vay 33 ngày, S cắt lấy trước tiền lãi suất 4.000.000 đồng, tương đương lãi suất 221,21%/năm. Số tiền S thu lợi bất chính khoản vay này là 3.638.356 đồng, tiền lãi theo quy định Bộ luật dân sự khoản vay này là 4.000.000 đồng - 3.638.356 đồng = 361.644 đồng.

+ Ngày 01/4/2023, S cho chị H1 vay số tiền 20.000.000 đồng, kỳ hạn vay 33 ngày, S cắt lấy trước tiền lãi suất 4.000.000 đồng, tương đương lãi suất 221,21%/năm. Số tiền S thu lợi bất chính khoản vay này là 3.638.356 đồng, tiền lãi

theo quy định Bộ luật dân sự khoản vay này là 4.000.000 đồng - 3.638.356 đồng = 361.644 đồng.

Tổng số tiền chị H1 vay S là 90.000.000 đồng, tổng số tiền S thu lợi bất chính là 16.372.603 đồng, tổng số tiền lãi theo quy định Bộ luật dân sự là 1.627.397 đồng. Số tiền vay gốc chị H1 chưa trả cho S là 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu)

2. Hành vi cho vay tiền lãi nặng của S đối với chị Nguyễn Thị Mỹ D, sinh năm 1977, trú tại: K, phường Q, thành phố V, tỉnh Nghệ An :

+ Ngày 28/12/2022, S cho chị D vay số tiền 20.000.000 đồng, kỳ hạn vay 33 ngày, S cắt lấy trước tiền lãi suất 4.000.000 đồng, tương đương lãi suất 221,21%/năm. Số tiền S thu lợi bất chính khoản vay này là 3.638.356 đồng, tiền lãi theo quy định Bộ luật dân sự khoản vay này là 4.000.000 đồng - 3.638.356 đồng = 361.644 đồng.

+ Ngày 18/01/2023, S cho chị D vay số tiền 30.000.000 đồng, kỳ hạn vay 33 ngày, S cắt lấy trước tiền lãi suất 6.000.000 đồng, tương đương lãi suất 221,21%/năm. Số tiền S thu lợi bất chính khoản vay này là 5.457.534 đồng, tiền lãi theo quy định Bộ luật dân sự khoản vay này là 6.000.000 đồng - 5.457.534 đồng = 542.466 đồng.

+ Ngày 19/02/2023, S cho chị D vay số tiền 20.000.000 đồng, kỳ hạn vay 40 ngày, S cắt lấy trước tiền lãi suất 4.000.000 đồng, tương đương lãi suất 182,5%/năm. Số tiền S thu lợi bất chính khoản vay này là 3.555.556 đồng, tiền lãi theo quy định Bộ luật dân sự khoản vay này là 4.000.000 đồng - 3.555.556 đồng = 444.444 đồng.

+ Ngày 26/02/2023, S cho chị D vay số tiền 20.000.000 đồng, kỳ hạn vay 40 ngày, S cắt lấy trước tiền lãi suất 4.000.000 đồng, tương đương lãi suất 182,5%/năm. Số tiền S thu lợi bất chính khoản vay này là 3.555.556 đồng, tiền lãi theo quy định Bộ luật dân sự khoản vay này là 4.000.000 đồng - 3.555.556 đồng = 444.444 đồng.

+ Ngày 20/3/2023, S cho chị D vay số tiền 40.000.000 đồng, kỳ hạn vay 40 ngày, S cắt lấy trước tiền lãi suất 8.000.000 đồng, tương đương lãi suất 182,5%/năm. Số tiền S thu lợi bất chính khoản vay này là 7.123.288 đồng, tiền lãi theo quy định Bộ luật dân sự khoản vay này là 8.000.000 đồng - 7.123.288 đồng = 876.712 đồng.

+ Ngày 01/4/2023, S cho chị D vay số tiền 20.000.000 đồng, kỳ hạn vay 40 ngày, S cắt lấy trước tiền lãi suất 4.000.000 đồng, tương đương lãi suất 182,5%/năm. Số tiền S thu lợi bất chính khoản vay này là 3.555.556 đồng, tiền lãi theo quy định Bộ luật dân sự khoản vay này là 4.000.000 đồng - 3.555.556 đồng = 444.444 đồng.

+ Ngày 21/4/2023, S cho chị D vay số tiền 40.000.000 đồng, kỳ hạn vay 40 ngày, S cắt lấy trước tiền lãi suất 8.000.000 đồng, tương đương lãi suất 182,5%/năm. Số tiền S thu lợi bất chính khoản vay này là 7.123.288 đồng, tiền lãi theo quy định Bộ luật dân sự khoản vay này là 8.000.000 đồng - 7.123.288 đồng = 876.712 đồng.

+ Ngày 30/4/2023, S cho chị D vay số tiền 20.000.000 đồng, kỳ hạn vay 40 ngày, S cắt lấy trước tiền lãi suất 4.000.000 đồng, tương đương lãi suất 182,5%/năm. Số tiền S thu lợi bất chính khoản vay này là 3.555.556 đồng, tiền lãi theo quy định Bộ luật dân sự khoản vay này là 4.000.000 đồng- 3.555.556 đồng = 444.444 đồng.

+ Ngày 29/5/2023, S cho chị D vay số tiền 30.000.000 đồng, kỳ hạn vay 40 ngày, S cắt lấy trước tiền lãi suất 6.000.000 đồng, tương đương lãi suất 182,5%/năm. Số tiền S thu lợi bất chính khoản vay này là 5.342.466 đồng, tiền lãi theo quy định Bộ luật dân sự khoản vay này là 6.000.000 đồng- 5.342.466 đồng = 657.534 đồng.

+ Ngày 13/6/2023, S cho chị D vay số tiền 30.000.000 đồng, kỳ hạn vay 40 ngày, S cắt lấy trước tiền lãi suất 6.000.000 đồng, tương đương lãi suất 182,5%/năm. Số tiền S thu lợi bất chính khoản vay này là 5.342.466 đồng, tiền lãi theo quy định Bộ luật dân sự khoản vay này là 6.000.000 đồng- 5.342.466 đồng = 657.534 đồng.

+ Ngày 02/7/2023, S cho chị D vay số tiền 30.000.000 đồng, kỳ hạn vay 40 ngày, S cắt lấy trước tiền lãi suất 6.000.000 đồng, tương đương lãi suất 182,5%/năm. Số tiền S thu lợi bất chính khoản vay này là 5.342.466 đồng, tiền lãi theo quy định Bộ luật dân sự khoản vay này là 6.000.000 đồng- 5.342.466 đồng = 657.534 đồng.

+ Ngày 10/5/2023 đến ngày 12/5/2023, S cho chị D vay số tiền 100.000.000 đồng, thỏa thuận trả lãi vào ngày 12 hàng tháng, lãi suất 10.000 đồng/1.000.000/ngày, tương đương lãi suất 365%/năm. Đối với khoản vay này, Nguyễn Văn S đã thu 30 ngày tiền lãi với số tiền là 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng). Số tiền lãi theo quy định Bộ luật dân sự Nguyễn Văn S được hưởng là: $100.000.000 \text{ đồng} \times 20\% \times 30 \text{ ngày} / 365 \text{ ngày} = 1.643.836 \text{ đồng}$ (Một triệu sáu trăm bốn mươi ba nghìn tám trăm ba mươi sáu đồng). Số tiền S thu lợi bất chính khoản vay này là 25.000.000 đồng - 1.643.836 đồng = 23.356.164 đồng (Hai mươi ba triệu ba trăm năm mươi sáu nghìn một trăm sáu mươi tư đồng).

Tổng số tiền Nguyễn Văn S cho chị Nguyễn Thị Mỹ D vay là 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng). Tổng số tiền lãi S đã thu của chị D là 90.000.000 đồng (Chín mươi triệu đồng), trong đó số tiền lãi theo quy định Bộ luật dân sự Nguyễn Văn S được hưởng là 8.027.397 đồng (Tám triệu không trăm hai mươi bảy nghìn ba trăm chín mươi bảy đồng). Nguyễn Văn S hưởng tiền lãi quá quy định và thu lợi bất chính là 76.972.603 đồng (Bảy mươi sáu triệu chín trăm bảy mươi hai nghìn sáu trăm linh ba đồng). Số tiền vay gốc chị D chưa trả cho S là 132.250.000 đồng (Một trăm ba mươi hai triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Hành vi cho vay tiền lãi nặng của Nguyễn Văn S đối với chị Lê Thị L1, sinh năm 1961 trú tại khối A, phường Đ, thành phố V, tỉnh Nghệ An :

+ Ngày 19/12/2022, S cho chị L1 vay số tiền 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng), thời gian vay 30 ngày, lãi suất 6,667 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày, tương đương với mức lãi suất 243,33%/năm, cao gấp 12,17 lần lãi suất cao nhất được hưởng do Bộ luật Dân sự quy định. Khi cho vay, S cắt lấy trước tiền lãi

3.000.000 đồng (Ba triệu đồng). Số tiền lãi theo quy định S được hưởng là: $15.000.000 \text{ đồng} \times 20\% \times 30 \text{ ngày} / 365 \text{ ngày} = 246.575 \text{ đồng}$ (Hai trăm bốn mươi sáu nghìn năm trăm bảy mươi lăm đồng). S hưởng tiền lãi quá quy định và thu lợi bất chính là: $3.000.000 \text{ đồng} - 246.575 \text{ đồng} = 2.753.425 \text{ đồng}$ (Hai triệu bảy trăm năm mươi ba nghìn bốn trăm hai mươi lăm đồng).

+ Ngày 09/01/2023, S cho chị L1 vay số tiền 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng), thời gian vay 30 ngày, lãi suất 6,667 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày, tương đương với mức lãi suất 243,33%/năm, cao gấp 12,17 lần lãi suất cao nhất được hưởng do Bộ luật Dân sự quy định. Khi cho vay, S cắt lấy trước tiền lãi 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng). Số tiền lãi theo quy định Nguyễn Văn S được hưởng là: $30.000.000 \text{ đồng} \times 20\% \times 30 \text{ ngày} / 365 \text{ ngày} = 493.151 \text{ đồng}$ (Bốn trăm chín mươi ba nghìn một trăm năm mươi một đồng). S đã hưởng tiền lãi quá quy định và thu lợi bất chính là: $6.000.000 \text{ đồng} - 493.151 \text{ đồng} = 5.506.849 \text{ đồng}$ (Năm triệu năm trăm linh sáu nghìn tám trăm bốn mươi chín đồng).

+ Ngày 10/02/2023, S cho chị L1 vay số tiền 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng), thời gian vay 30 ngày, lãi suất 6,667 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày, tương đương với mức lãi suất 243,33%/năm, cao gấp 12,17 lần lãi suất cao nhất được hưởng do Bộ luật Dân sự quy định. Khi cho vay, S cắt lấy trước tiền lãi 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng). Số tiền lãi theo quy định Nguyễn Văn S được hưởng là: $30.000.000 \text{ đồng} \times 20\% \times 30 \text{ ngày} / 365 \text{ ngày} = 493.151 \text{ đồng}$ (Bốn trăm chín mươi ba nghìn một trăm năm mươi một đồng). Nguyễn Văn S hưởng tiền lãi quá quy định và thu lợi bất chính là: $6.000.000 \text{ đồng} - 493.151 \text{ đồng} = 5.506.849 \text{ đồng}$ (Năm triệu năm trăm linh sáu nghìn tám trăm bốn mươi chín đồng).

+ Ngày 30/3/2023, S cho chị L1 vay số tiền 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng), thời gian vay 30 ngày, lãi suất 6,667 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày, tương đương với mức lãi suất 243,33%/năm, cao gấp 12,17 lần lãi suất cao nhất được hưởng do Bộ luật Dân sự quy định. Khi cho vay, S cắt lấy trước tiền lãi 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng). Số tiền lãi theo quy định Nguyễn Văn S được hưởng là: $15.000.000 \text{ đồng} \times 20\% \times 30 \text{ ngày} / 365 \text{ ngày} = 246.575 \text{ đồng}$ (Hai trăm bốn mươi sáu nghìn năm trăm bảy mươi lăm đồng). Nguyễn Văn S hưởng tiền lãi quá quy định và thu lợi bất chính là: $3.000.000 \text{ đồng} - 246.575 \text{ đồng} = 2.753.425 \text{ đồng}$ (Hai triệu bảy trăm năm mươi ba nghìn bốn trăm hai mươi lăm đồng).

+ Ngày 01/5/2023, S cho chị L1 vay số tiền 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng), thời gian vay 30 ngày, lãi suất 6,667 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày, tương đương với mức lãi suất 243,33%/năm, cao gấp 12,17 lần lãi suất cao nhất được hưởng do Bộ luật Dân sự quy định. Khi cho vay, S cắt lấy trước tiền lãi 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng). Số tiền lãi theo quy định Nguyễn Văn S được hưởng là: $15.000.000 \text{ đồng} \times 20\% \times 30 \text{ ngày} / 365 \text{ ngày} = 246.575 \text{ đồng}$ (Hai trăm bốn mươi sáu nghìn năm trăm bảy mươi lăm đồng). Nguyễn Văn S hưởng tiền lãi quá quy định và thu lợi bất chính là: $3.000.000 \text{ đồng} - 246.575 \text{ đồng} = 2.753.425 \text{ đồng}$ (Hai triệu bảy trăm năm mươi ba nghìn bốn trăm hai mươi lăm đồng).

+ Ngày 22/7/2023, S cho chị L1 vay số tiền 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng), thời gian vay 30 ngày, lãi suất 6,667 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày, tương

đương với mức lãi suất 243,33%/năm, cao gấp 12,17 lần lãi suất cao nhất được hưởng do Bộ luật Dân sự quy định. Khi cho vay, S cắt lấy trước tiền lãi 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng). Số tiền lãi theo quy định Nguyễn Văn S được hưởng là: $15.000.000 \text{ đồng} \times 20\% \times 30 \text{ ngày} / 365 \text{ ngày} = 246.575 \text{ đồng}$ (Hai trăm bốn mươi sáu nghìn năm trăm bảy mươi lăm đồng). Nguyễn Văn S hưởng tiền lãi quá quy định và thu lợi bất chính là: $3.000.000 \text{ đồng} - 246.575 \text{ đồng} = 2.753.425 \text{ đồng}$ (Hai triệu bảy trăm năm mươi ba nghìn bốn trăm hai mươi lăm đồng).

Tổng số tiền Nguyễn Văn S cho chị Lê Thị L1 vay là 120.000.000 đồng (Một trăm hai mươi triệu đồng). Tổng số tiền lãi S đã thu của chị L1 là 24.000.000 đồng (Hai mươi tư triệu đồng), trong đó số tiền lãi theo quy định Nguyễn Văn S được hưởng là 1.972.603 đồng (Một triệu chín trăm bảy mươi hai nghìn sáu trăm linh ba đồng). Nguyễn Văn S hưởng tiền lãi quá quy định và thu lợi bất chính là 22.027.397 đồng (Hai mươi hai triệu không trăm hai mươi bảy nghìn ba trăm chín mươi bảy đồng). Số tiền vay gốc chị L1 chưa trả cho S là 11.500.000 đồng (Mười một triệu năm trăm nghìn đồng).

4. Hành vi cho vay tiền lãi nặng của Nguyễn Văn S đối với chị Đậu Thị Lan H2, sinh năm 1992 trú tại khối T, phường L, thành phố V, tỉnh Nghệ An.

+ Ngày 14/12/2022, Nguyễn Văn S cho chị Đậu Thị Lan H2 vay số tiền 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng), thời gian vay 30 ngày, lãi suất 6,667 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày, tương đương với mức lãi suất 243,33%/năm, cao gấp 12,17 lần lãi suất cao nhất được hưởng do Bộ luật Dân sự quy định. Khi cho vay, S cắt lấy trước tiền lãi 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng). Số tiền lãi theo quy định Nguyễn Văn S được hưởng là: $15.000.000 \text{ đồng} \times 20\% \times 30 \text{ ngày} / 365 \text{ ngày} = 246.575 \text{ đồng}$ (Hai trăm bốn mươi sáu nghìn năm trăm bảy mươi lăm đồng). Nguyễn Văn S hưởng tiền lãi quá quy định và thu lợi bất chính là: $3.000.000 \text{ đồng} - 246.575 \text{ đồng} = 2.753.425 \text{ đồng}$ (Hai triệu bảy trăm năm mươi ba nghìn bốn trăm hai mươi lăm đồng).

+ Ngày 12/01/2023, Nguyễn Văn S cho chị Đậu Thị Lan H2 vay số tiền 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng), thời gian vay 30 ngày, lãi suất 6,667 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày, tương đương với mức lãi suất 243,33%/năm, cao gấp 12,17 lần lãi suất cao nhất được hưởng do Bộ luật Dân sự quy định. Khi cho vay, S cắt lấy trước tiền lãi 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng). Số tiền lãi theo quy định Nguyễn Văn S được hưởng là: $15.000.000 \text{ đồng} \times 20\% \times 30 \text{ ngày} / 365 \text{ ngày} = 246.575 \text{ đồng}$ (Hai trăm bốn mươi sáu nghìn năm trăm bảy mươi lăm đồng). Nguyễn Văn S hưởng tiền lãi quá quy định và thu lợi bất chính là: $3.000.000 \text{ đồng} - 246.575 \text{ đồng} = 2.753.425 \text{ đồng}$ (Hai triệu bảy trăm năm mươi ba nghìn bốn trăm hai mươi lăm đồng).

+ Ngày 09/02/2023, Nguyễn Văn S cho chị Đậu Thị Lan H2 vay số tiền 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng), thời gian vay 30 ngày, lãi suất 6,667 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày, tương đương với mức lãi suất 243,33%/năm, cao gấp 12,17 lần lãi suất cao nhất được hưởng do Bộ luật Dân sự quy định. Khi cho vay, S cắt lấy trước tiền lãi 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng). Số tiền lãi theo quy định Nguyễn Văn S được hưởng là: $15.000.000 \text{ đồng} \times 20\% \times 30 \text{ ngày} / 365 \text{ ngày} =$

246.575 đồng (Hai trăm bốn mươi sáu nghìn năm trăm bảy mươi lăm đồng). Nguyễn Văn S hưởng tiền lãi quá quy định và thu lợi bất chính là: 3.000.000 đồng - 246.575 đồng = 2.753.425 đồng (Hai triệu bảy trăm năm mươi ba nghìn bốn trăm hai mươi lăm đồng).

+ Ngày 11/02/2023, Nguyễn Văn S cho chị Đậu Thị Lan H2 vay số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng), thời gian vay 25 ngày, lãi suất 8.000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày, tương đương với mức lãi suất 292%/năm, cao gấp 14,6 lần lãi suất cao nhất được hưởng do Bộ luật Dân sự quy định. Khi cho vay, S cắt lấy trước tiền lãi 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng). Số tiền lãi theo quy định Nguyễn Văn S được hưởng là: $10.000.000 \text{ đồng} \times 20\% \times 25 \text{ ngày} / 365 \text{ ngày} = 136.986 \text{ đồng}$ (Một trăm ba mươi sáu nghìn chín trăm tám mươi sáu đồng). Nguyễn Văn S hưởng tiền lãi quá quy định và thu lợi bất chính là: 2.000.000 đồng - 136.986 đồng = 1.863.014 đồng (Một triệu tám trăm sáu mươi ba nghìn không trăm mười bốn đồng).

+ Ngày 22/02/2023, Nguyễn Văn S cho chị Đậu Thị Lan H2 vay số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng), thời gian vay 25 ngày, lãi suất 8.000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày, tương đương với mức lãi suất 292%/năm, cao gấp 14,6 lần lãi suất cao nhất được hưởng do Bộ luật Dân sự quy định. Khi cho vay, S cắt lấy trước tiền lãi 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng). Số tiền lãi theo quy định Nguyễn Văn S được hưởng là: $10.000.000 \text{ đồng} \times 20\% \times 25 \text{ ngày} / 365 \text{ ngày} = 136.986 \text{ đồng}$ (Một trăm ba mươi sáu nghìn chín trăm tám mươi sáu đồng). Nguyễn Văn S hưởng tiền lãi quá quy định và thu lợi bất chính là: 2.000.000 đồng - 136.986 đồng = 1.863.014 đồng (Một triệu tám trăm sáu mươi ba nghìn không trăm mười bốn đồng).

+ Ngày 03/3/2023, Nguyễn Văn S cho chị Đậu Thị Lan H2 vay số tiền 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng), thời gian vay 30 ngày, lãi suất 6,667 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày, tương đương với mức lãi suất 243,33%/năm, cao gấp 12,17 lần lãi suất cao nhất được hưởng do Bộ luật Dân sự quy định. Khi cho vay, S cắt lấy trước tiền lãi 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng). Số tiền lãi theo quy định Nguyễn Văn S được hưởng là: $15.000.000 \text{ đồng} \times 20\% \times 30 \text{ ngày} / 365 \text{ ngày} = 246.575 \text{ đồng}$ (Hai trăm bốn mươi sáu nghìn năm trăm bảy mươi lăm đồng). Nguyễn Văn S hưởng tiền lãi quá quy định và thu lợi bất chính là: 3.000.000 đồng - 246.575 đồng = 2.753.425 đồng (Hai triệu bảy trăm năm mươi ba nghìn bốn trăm hai mươi lăm đồng).

Như vậy, tổng số tiền Nguyễn Văn S cho chị Đậu Thị Lan H2 vay là 80.000.000 đồng (Tám mươi triệu đồng). Tổng số tiền lãi S đã thu của chị H2 là 16.000.000 đồng (Mười sáu triệu đồng), trong đó số tiền lãi theo quy định Nguyễn Văn S được hưởng là 1.260.274 đồng (Một triệu hai trăm sáu mươi nghìn hai trăm bảy mươi tư đồng). Nguyễn Văn S hưởng tiền lãi quá quy định và thu lợi bất chính là 14.739.726 đồng (Mười bốn triệu bảy trăm ba mươi chín nghìn bảy trăm hai mươi sáu đồng). Số tiền vay gốc chị H2 chưa trả cho S là 26.650.000 đồng (Hai mươi sáu triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng).

5. Hành vi cho vay tiền lãi nặng của Nguyễn Văn S đối với anh Chu Quang

H3, sinh năm 1979 trú tại: khối L, phường H, thành phố V, tỉnh Nghệ An.

+ Ngày 06/3/2023, Nguyễn Văn S cho anh Chu Quang H3 vay số tiền 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng), thời gian vay 30 ngày, lãi suất 6,667 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày, tương đương với mức lãi suất 243,33%/năm, cao gấp 12,17 lần lãi suất cao nhất được hưởng do Bộ luật Dân sự quy định. Khi cho vay, S cắt lấy trước tiền lãi 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng). Số tiền lãi theo quy định Nguyễn Văn S được hưởng là: $30.000.000 \text{ đồng} \times 20\% \times 30 \text{ ngày} / 365 \text{ ngày} = 493.151 \text{ đồng}$ (Bốn trăm chín mươi ba nghìn một trăm năm mươi một đồng). Nguyễn Văn S hưởng tiền lãi quá quy định và thu lợi bất chính là: $6.000.000 \text{ đồng} - 493.151 \text{ đồng} = 5.506.849 \text{ đồng}$ (Năm triệu năm trăm linh sáu nghìn tám trăm bốn mươi chín đồng).

+ Ngày 29/4/2023, Nguyễn Văn S cho anh Chu Quang H3 vay số tiền 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng), thời gian vay 30 ngày, lãi suất 6,667 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày, tương đương với mức lãi suất 243,33%/năm, cao gấp 12,17 lần lãi suất cao nhất được hưởng do Bộ luật Dân sự quy định. Khi cho vay, S cắt lấy trước tiền lãi 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng). Số tiền lãi theo quy định Nguyễn Văn S được hưởng là: $30.000.000 \text{ đồng} \times 20\% \times 30 \text{ ngày} / 365 \text{ ngày} = 493.151 \text{ đồng}$ (Bốn trăm chín mươi ba nghìn một trăm năm mươi một đồng). Nguyễn Văn S hưởng tiền lãi quá quy định và thu lợi bất chính là: $6.000.000 \text{ đồng} - 493.151 \text{ đồng} = 5.506.849 \text{ đồng}$ (Năm triệu năm trăm linh sáu nghìn tám trăm bốn mươi chín đồng).

Tổng số tiền Nguyễn Văn S cho anh Chu Quang H3 vay là 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng). Tổng số tiền lãi S đã thu của anh H3 là 12.000.000 đồng (Mười hai triệu đồng), trong đó số tiền lãi theo quy định Nguyễn Văn S được hưởng là 986.301 đồng (Chín trăm tám mươi sáu nghìn ba trăm linh một đồng). Nguyễn Văn S hưởng tiền lãi quá quy định và thu lợi bất chính là 11.013.699 đồng (Mười một triệu không trăm mười ba nghìn sáu trăm chín mươi chín đồng).

6. Hành vi cho vay tiền lãi nặng của Nguyễn Văn S đối với chị Cao Thị S1, sinh năm 1979 trú tại: Khối T, phường H, thành phố V, tỉnh Nghệ An.

+ Ngày 22/12/2023, Nguyễn Văn S cho chị Cao Thị S1 vay số tiền 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng), thời gian vay 30 ngày, lãi suất 6,667 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày, tương đương với mức lãi suất 243,33%/năm, cao gấp 12,17 lần lãi suất cao nhất được hưởng do Bộ luật Dân sự quy định. Khi cho vay, S cắt lấy trước tiền lãi 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng). Số tiền lãi theo quy định Nguyễn Văn S được hưởng là: $30.000.000 \text{ đồng} \times 20\% \times 30 \text{ ngày} / 365 \text{ ngày} = 493.151 \text{ đồng}$ (Bốn trăm chín mươi ba nghìn một trăm năm mươi một đồng). Nguyễn Văn S hưởng tiền lãi quá quy định và thu lợi bất chính là: $6.000.000 \text{ đồng} - 493.151 \text{ đồng} = 5.506.849 \text{ đồng}$ (Năm triệu năm trăm linh sáu nghìn tám trăm bốn mươi chín đồng).

+ Ngày 06/02/2023, Nguyễn Văn S cho chị Cao Thị S1 vay số tiền 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng), thời gian vay 30 ngày, lãi suất 6,667 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày, tương đương với mức lãi suất 243,33%/năm, cao gấp 12,17 lần lãi suất cao nhất được hưởng do Bộ luật Dân sự quy định. Khi cho vay, S

cắt lấy trước tiền lãi 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng). Số tiền lãi theo quy định Nguyễn Văn S được hưởng là: $30.000.000 \text{ đồng} \times 20\% \times 30 \text{ ngày} / 365 \text{ ngày} = 493.151 \text{ đồng}$ (Bốn trăm chín mươi ba nghìn một trăm năm mươi một đồng). Nguyễn Văn S hưởng tiền lãi quá quy định và thu lợi bất chính là: $6.000.000 \text{ đồng} - 493.151 \text{ đồng} = 5.506.849 \text{ đồng}$ (Năm triệu năm trăm linh sáu nghìn tám trăm bốn mươi chín đồng).

Tổng số tiền Nguyễn Văn S cho chị Cao Thị S1 vay là 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng). Tổng số tiền lãi S đã thu của chị S1 là 12.000.000 đồng (Mười hai triệu đồng), trong đó số tiền lãi theo quy định Nguyễn Văn S được hưởng là 986.301 đồng (Chín trăm tám mươi sáu nghìn ba trăm linh một đồng). Nguyễn Văn S hưởng tiền lãi quá quy định và thu lợi bất chính là 11.013.699 đồng (Mười một triệu không trăm mười ba nghìn sáu trăm chín mươi chín đồng).

Tại Cơ quan điều tra, bị can Nguyễn Văn S khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên, lời khai phù hợp với các tài liệu chứng cứ đã được thu thập. Tổng số tiền thu lợi bất chính trong các giao dịch nêu trên của bị can là 152.139.726 đồng (Một trăm năm hai triệu một trăm ba chín nghìn bảy trăm hai sáu đồng).

Tại bản cáo trạng số 361/CT-VKS-TPV ngày 17/10/2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vinh đã truy tố Nguyễn Văn S về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 2 điều 201 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vinh giữ nguyên quan điểm như Cáo trạng truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 2 điều 201; điểm i, s khoản 1 điều 51; điều 65 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Văn S từ 09 đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thử thách 18 đến 24 tháng về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”;

Về vật chứng: Tịch thu sung quỹ nhà nước một điện thoại thu giữ của bị cáo; Tịch thu tiêu hủy 01 (Một) thẻ ngân hàng; Tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền gốc cho vay và số tiền lãi suất tương ứng 20%/năm. Buộc bị cáo trả lại số tiền thu lợi bất chính cho người vay.

Bị cáo không tranh luận gì mà chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an thành phố V, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vinh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về nội dung: Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình như Bản cáo trạng đã truy tố là đúng. Xét lời khai của bị cáo phù hợp với các chứng

cứ khác đã được thẩm tra, tranh tụng tại phiên tòa. Như vậy, có cơ sở để kết luận: Trong khoảng thời gian từ tháng 12/2022 đến tháng 7/2023, Nguyễn Văn S có hành vi cho 06 người vay tiền lãi suất cao trên 100% đã vượt quá mức lãi suất theo quy định của Bộ luật dân sự với tổng số tiền cho vay là 810.000.000 đồng, thu lợi bất chính số tiền là 152.139.726 đồng.

Như vậy, hành vi của bị cáo đã phạm vào tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”. Số tiền thu lợi bất chính trên 100.000.000 đồng nên vi phạm vào khoản 2 điều 201 Bộ luật hình sự như bản cáo trạng truy tố là có căn cứ và đúng pháp luật.

Xét hành vi phạm tội của bị cáo là ít nghiêm trọng nhưng nguy hiểm cho xã hội, gây ảnh hưởng đến trật tự an toàn xã hội, xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế. Vì vậy, cần xét xử nghiêm minh đối với bị cáo. Tuy nhiên, tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng... nên cần xem xét để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo và không cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cho bị cáo được hưởng án treo cũng đủ tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo.

Ngoài hình phạt chính lẽ ra cần áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo. Tuy nhiên, bị cáo hoàn cảnh khó khăn nên cần miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền cho bị cáo.

Về vật chứng: 01 (Một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XR, màu đen, số IMEI 1: 358819092006312, số IMEI 2: 358819092071795, gắn sim số thuê bao “0987450030” bị cáo sử dụng trong việc phạm tội nên cần tịch thu sung quỹ nhà nước; 01 (Một) thẻ ngân hàng M số thẻ 4726 7400 1456 9798 mang tên NGUYEN VAN SON không liên quan đến việc phạm tội nhưng bị cáo cho rằng hiện nay không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy; Đối với 01 (Một) giấy vay tiền ngày 22/7/2023 mang tên Lê Thị L1 hiện nay đã được lưu tại hồ sơ vụ án.

Bị cáo cho chị Mạnh Thị Thanh H1 vay tổng cộng là 90.000.000 đồng. Hiện nay chị H1 đã trả cho bị cáo 75.000.000 đồng và còn nợ 15.000.000 đồng tiền nợ gốc. Đây là số tiền được xác định là phương tiện phạm tội nên cần tịch thu sung quỹ nhà nước, cụ thể cần truy thu từ bị cáo số tiền 75.000.000 đồng và truy thu từ chị H1 số tiền 15.000.000 đồng. Số tiền lãi 1.627.397 đồng tương ứng với mức lãi suất 20%/năm bị cáo thu từ chị H1 là khoản tiền phát sinh từ tội phạm nên cũng cần tịch thu sung quỹ nhà nước từ bị cáo. Đối với số tiền lãi 16.372.603 đồng bị cáo thu từ chị H1 là khoản tiền lãi tương ứng với mức lãi suất vượt quá 20%/năm. Đây là khoản tiền mà người phạm tội thu lợi bất chính của người vay nên cần buộc bị cáo trả lại cho người vay tiền.

Bị cáo cho chị Nguyễn Thị Mỹ D vay tổng cộng là 400.000.000 đồng. Hiện nay chị D đã trả cho bị cáo 267.750.000 đồng và còn nợ 132.250.000 đồng tiền nợ gốc. Đây là số tiền được xác định là phương tiện phạm tội nên cần tịch thu sung quỹ nhà nước, cụ thể cần truy thu từ bị cáo số tiền 267.750.000 đồng và truy thu từ chị D số tiền 132.250.000 đồng. Số tiền lãi 8.027.397 đồng tương ứng với mức lãi suất 20%/năm bị cáo thu từ chị D là khoản tiền phát sinh từ tội phạm nên cũng cần tịch thu sung quỹ nhà nước từ bị cáo. Đối với số tiền lãi 76.972.603 đồng bị cáo thu từ

chị D là khoản tiền lãi tương ứng với mức lãi suất vượt quá 20%/năm. Đây là khoản tiền mà người phạm tội thu lợi bất chính của người vay nên cần buộc bị cáo trả lại cho người vay tiền.

Bị cáo cho chị Lê Thị L1 vay tổng cộng là 120.000.000 đồng. Hiện nay chị L1 đã trả cho bị cáo 108.500.000 đồng và còn nợ 11.500.000 đồng tiền nợ gốc. Đây là số tiền được xác định là phương tiện phạm tội nên cần tịch thu sung quỹ nhà nước, cụ thể cần truy thu từ bị cáo số tiền 108.500.000 đồng và truy thu từ chị L1 số tiền 11.500.000 đồng. Số tiền lãi 1.972.603 đồng tương ứng với mức lãi suất 20%/năm bị cáo thu từ chị L1 là khoản tiền phát sinh từ tội phạm nên cũng cần tịch thu sung quỹ nhà nước từ bị cáo. Đối với số tiền lãi 22.027.397 đồng bị cáo thu từ chị L1 là khoản tiền lãi tương ứng với mức lãi suất vượt quá 20%/năm. Đây là khoản tiền mà người phạm tội thu lợi bất chính của người vay nên cần buộc bị cáo trả lại cho người vay tiền.

Bị cáo cho anh Chu Quang H3 vay tổng cộng là 60.000.000 đồng. Hiện nay anh H3 đã trả cho bị cáo toàn bộ số tiền gốc. Đây là số tiền được xác định là phương tiện phạm tội nên cần tịch thu sung quỹ nhà nước, cụ thể cần truy thu từ bị cáo số tiền 60.000.000 đồng. Số tiền lãi 986.301 đồng tương ứng với mức lãi suất 20%/năm bị cáo thu từ anh H3 là khoản tiền phát sinh từ tội phạm nên cũng cần tịch thu sung quỹ nhà nước từ bị cáo. Đối với số tiền lãi 11.013.699 đồng bị cáo thu từ anh H3 là khoản tiền lãi tương ứng với mức lãi suất vượt quá 20%/năm. Đây là khoản tiền mà người phạm tội thu lợi bất chính của người vay nên cần buộc bị cáo trả lại cho người vay tiền.

Bị cáo cho chị Cao Thị S1 vay tổng cộng là 60.000.000 đồng. Hiện nay chị S1 đã trả cho bị cáo toàn bộ số tiền gốc. Đây là số tiền được xác định là phương tiện phạm tội nên cần tịch thu sung quỹ nhà nước, cụ thể cần truy thu từ bị cáo số tiền 60.000.000 đồng. Số tiền lãi 986.301 đồng tương ứng với mức lãi suất 20%/năm bị cáo thu từ chị S1 là khoản tiền phát sinh từ tội phạm nên cũng cần tịch thu sung quỹ nhà nước từ bị cáo. Đối với số tiền lãi 11.013.699 đồng bị cáo thu từ chị S1 là khoản tiền lãi tương ứng với mức lãi suất vượt quá 20%/năm. Đây là khoản tiền mà người phạm tội thu lợi bất chính của người vay nên cần buộc bị cáo trả lại cho người vay tiền.

Như vậy, tổng số tiền gốc truy thu từ bị cáo là 624.600.000 đồng và số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm là 14.860.273 đồng. Tổng cộng, là 639.460.273 đồng. Số tiền gốc truy thu từ những người vay là 185.400.000 đồng.

Bị cáo phải chịu án phí HSST theo luật định.

Bởi các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 2 điều 201; điểm i, s khoản 1 điều 51; điều 65 Bộ luật hình sự xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn S 09 (Chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thử thách 18 (Mười tám) tháng về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”. Thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường Đ, thành phố V, tỉnh Nghệ An giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian thử

thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về vật chứng vụ án: Căn cứ vào điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; điều 47 Bộ luật hình sự: Tịch thu sung quỹ nhà nước 01 (Một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XR, màu đen, số IMEI 1: 358819092006312, số IMEI 2: 358819092071795, gắn sim số thuê bao “0987450030”; Tịch thu tiêu huỷ 01 (Một) thẻ ngân hàng M số thẻ 4726 7400 1456 9798 mang tên NGUYEN VAN SON (Vật chứng hiện có tại kho vật chứng của Chi cục thi hành án thành phố Vinh theo phiếu nhập kho vật chứng số NK 2024/35 ngày 08/11/2023).

Truy thu sung quỹ nhà nước của bị cáo Nguyễn Văn S số tiền 639.460.273 đồng (Sáu trăm ba mươi chín triệu, bốn trăm sáu mươi ngàn, hai trăm bảy mươi ba đồng).

Truy thu sung quỹ nhà nước từ chị Mạnh Thị Thanh H1 số tiền 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng).

Truy thu sung quỹ nhà nước từ chị Nguyễn Thị Mỹ D số tiền 132.250.000 đồng (Một trăm ba mươi hai triệu, hai trăm năm mươi ngàn đồng).

Truy thu sung quỹ nhà nước từ chị Lê Thị L1 số tiền 11.500.000 đồng (Mười một triệu, năm trăm ngàn đồng).

Truy thu sung quỹ nhà nước từ chị Đậu Thị Lan H2 số tiền 26.650.000 đồng (Hai mươi sáu triệu, sáu trăm năm mươi ngàn đồng).

Buộc bị cáo Nguyễn Văn S trả lại cho chị Mạnh Thị Thanh H1 số tiền 16.372.603 đồng (Mười sáu triệu, ba trăm bảy mươi hai ngàn, sáu trăm linh ba đồng).

Buộc bị cáo Nguyễn Văn S trả lại cho chị Nguyễn Thị Mỹ D số tiền 76.972.603 đồng (Bảy mươi sáu triệu, chín trăm bảy mươi hai ngàn, sáu trăm linh ba đồng).

Buộc bị cáo Nguyễn Văn S trả lại cho chị Lê Thị L1 số tiền 22.027.379 đồng (Hai mươi hai triệu, không trăm hai mươi bảy ngàn, ba trăm bảy mươi chín đồng).

Buộc bị cáo Nguyễn Văn S trả lại cho anh Chu Quang H3 số tiền 11.013.699 đồng (Mười một triệu, không trăm mười ba ngàn, sáu trăm chín mươi chín đồng).

Buộc bị cáo Nguyễn Văn S trả lại cho chị Cao Thị S1 số tiền 11.013.699 đồng (Mười một triệu, không trăm mười ba ngàn, sáu trăm chín mươi chín đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí: Căn cứ vào điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điều 23 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án buộc bị cáo Nguyễn Văn S phải chịu 200.000 đồng tiền án phí HSST.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- VKS, CATP, THADS TP. Vinh
- VKSND tỉnh Nghệ An
- UBND nơi cư trú của bị cáo
- Sở tư pháp tỉnh Nghệ An
- Những người tham gia tố tụng
- Lưu

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Huy Long